



Số: 2024.1772/KQ-EUC

Ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.256/HT-EUC

- Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ: Số 333 Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Loại mẫu: Nước thải
- Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản tại hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
- Thời gian thử nghiệm: 30/09/2024 - 10/10/2024
- Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-4:2018; TCVN 5994:1995; TCVN 8880:2011;
- Mã số mẫu: 2409.297NT -01: Nước thải Sau HTXL - Sản Xuất

8. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq= 0,9; Kf= 1,1
1.	pH ⁽¹⁾ (2)		TCVN 6492: 2011	-	7,29	6-9
2.	Độ màu ⁽¹⁾	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	5	KPH	50
3.	TSS ⁽¹⁾ (2)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	3,0	KPH	49,5
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	4	29,7
5.	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	3,0	10	74,25
6.	Pb ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,014	KPH	0,099
7.	Zn ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,014	0,031	2,97
8.	Fe ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,025	0,087	0,99

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- ⁽²⁾ Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT - 1.0215;

- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm / đo đạt;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN



CÔNG TY TNHH E.U.C

VIMCERTS
261



AOSC
ISO/IEC17025:2017-VL.ATL.0215

QUAN TRÁC
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
NGHỊ ĐỊNH 44:2016/NĐ-CP

Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số nhà 65, Ngõ 1 Phố Đại Đồng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Số: 2024.1772/KQ-EUC

Ngày 15 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.256/HT-EUC

- Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ: Số 333 Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Loại mẫu: Nước thải
- Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản tại hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
- Thời gian thử nghiệm: 30/09/2024 - 14/10/2024
- Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-4:2018; TCVN 5994:1995; TCVN 8880:2011;
- Mã số mẫu: 2409.297NT -01: Nước thải Sau HTXL - Sản Xuất
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40: 2011/BTNMT
					2409.297NT -01	CỘT A
1.	Sn ^(a)	mg/L	SMEWW 3120B:2023	0,05	KPH	-

Ghi chú: ^(a): Thông số được liên kết nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy / đo đạc;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIỀN THUẬN



Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số nhà 65, Ngõ 1 Phố Đại Đồng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Số: 2024.1772/KQ-EUC

Ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.256/HT-EUC

- Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ: Số 333 Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Loại mẫu: Nước thải
- Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản tại hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
- Thời gian thử nghiệm: 30/09/2024 - 10/10/2024
- Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-4:2018; TCVN 5994:1995; TCVN 8880:2011;
- Mã số mẫu: 2409.297NT -02: Nước thải Sau HTXL - Sinh Hoạt
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/BTNMT K=1 cột A	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A Kq= 0,9; Kf= 1,1
					2409.297 NT -02		
1.	pH ⁽¹⁾ (2)		TCVN 6492: 2011	-	7,39	5-9	6-9
2.	TSS ⁽¹⁾ (2)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	3,0	8	50	49,5
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	8	30	29,7
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	3,0	29	-	74,3
5.	NH ₄ ⁺ - N ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	1,0	KPH	5	4,95
6.	PO ₄ ³⁻ -P ⁽¹⁾ (2)	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,03	1,89	6	-
7.	TN ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6638:2000	3,0	8,41	-	19,8
8.	TP ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,1	1,98	-	3,96
9.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100 ml	SMEWW 9221B: 2017	3,0	210	3.000	3.000

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾: Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT - 1.0215;
- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy/đo đạt;
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN





Số: 2024.1772/KQ-EUC

Ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.256/HT-EUC

- Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ: Số 333 Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Loại mẫu: Nước mặt
- Tình trạng mẫu: Mẫu được bảo quản tại hiện trường
- Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
- Thời gian thử nghiệm: 30/09/2024 - 11/10/2024
- Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-4:2018; TCVN 5994:1995; TCVN 8880:2011;
- Mã số mẫu: 2409.297NM: Nước trên Suối Cái cách công ty 30m về phía hạ nguồn
- Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả thử nghiệm	QCVN 08:2017/BTNMT Bảng 1 và Mức B Bảng 2
					2409.297NM	
1.	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492: 2011	-	6,38	6,0-8,5
2.	TSS ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 2540D:2017	3,0	11	≤100
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0	4	≤6
4.	COD ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	3,0	13	≤15
5.	NO ₂ ⁻ N ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ -B:2017	0,005	0,046	0,05
6.	NO ₃ ⁻ N ⁽¹⁾	mg/L	US EPA Method 352-1	0,06	0,274	-
7.	NH ₄ ⁺ N ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,025	0,184	0,3
8.	PO ₄ ³⁻ P ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-P.E:2017	0,03	0,076	-
9.	Coliform ⁽¹⁾	MPN/100 ml	SMEWW 9221B: 2017	3	2.400	≤5000

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- ⁽²⁾ Thông số được công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT - 1.0215;

- KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm đo đạt;

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày (mẫu nước) kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, Công ty TNHH E.U.C không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THỬ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN



Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kỉnh, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số nhà 65, Ngõ 1 Phố Đại Đồng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Số: 2024.1772/KQ-EUC

Ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.256/HT-EUC

- Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MINH LONG I
- Địa chỉ: Số 333 Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Loại mẫu: Không khí xung quanh
- Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
- Thời gian thử nghiệm: 30/09/2024 - 11/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL/ phạm vi đo
1.	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	0 - 50
2.	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	QCVN 46:2012/BTNMT	0 - 100
3.	Độ ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 7878-2:2018	30 - 130
4.	Bụi tổng ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	38
5.	CO ⁽¹⁾	µg/Nm ³	HD-KK-CO	3.300
6.	SO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	27,2
7.	NO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	22,2

6. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm		
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Độ ồn (dBA)
2409.297KK -01	Khu vực cổng bảo vệ	30,2	69,7	68
2409.297KK -02	Khu vực hộ dân gần công ty	30,7	69,8	68,9
QCVN 26:2016/BYT		18 - 32	40 - 80	6h - 21h: 70 21h - 6h: 55

Bảng 2:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm			
		Bụi tổng	SO ₂	NO ₂	CO
		(µg/Nm ³)			
2409.297KK -01	Khu vực cổng bảo vệ	174	KPH	KPH	4.921
2409.297KK -02	Khu vực hộ dân gần công ty	176	KPH	KPH	4.611
QCVN 05:2023/BTNMT		300	350	200	30.000

Ghi chú: - ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- KPH: Không phát hiện; Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm lấy;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM



NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN



Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kỉnh, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số nhà 65, Ngõ 1 Phố Đại Đồng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Số: 2024.1772/KQ-EUC

Ngày 21 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.256/HT-EUC

CÔNG TY TNHH MINH LONG I

- Tên khách hàng: Địa chỉ: Số 333 Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Loại mẫu: Không khí xung quanh
- Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
- Thời gian thử nghiệm: 30/09/2024 - 21/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL/ phạm vi đo
1.	HF ^(a)	3 µg/Nm ³	NIOSH Method 7906	2,0

6. Kết quả thử nghiệm:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm
		HF
2409.297KK -01	Khu vực cổng bảo vệ	KPH
2409.297KK -02	Khu vực hộ dân gần công ty	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT		20

Ghi chú: - ^(a): Thông số được liên kết vimecerts 304;
- KPH: Không phát hiện; Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm lấy;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN



Số: 2024.1772/KQ-EUC

Ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.256/HT-EUC

- Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MINH LONG I
- Địa chỉ: Số 333 Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Loại mẫu: Không khí
- Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
- Thời gian thử nghiệm: 30/09/2024 - 11/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL/ Phạm vi đo
1.	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	TCVN 5508:2009	-25,3 - 50
2.	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	TCVN 5508:2009	0-100
3.	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 9799:2013	20-140
4.	Bụi tổng ⁽¹⁾	mg/Nm ³	QCVN 02:2019/BYT - Phụ lục 1	0,055
5.	CO ⁽¹⁾	mg/Nm ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 14	0,5
6.	SO ₂ ⁽¹⁾	mg/Nm ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 44	0,025
7.	NO ₂ ⁽¹⁾	mg/Nm ³	QCVN 03:2019/BYT - Phụ lục 37	0,025
8.	Hydrogen Fluoride (HF) ⁽¹⁾	mg/Nm ³	Ông test nhanh	0.05 – 100

6. Kết quả thử nghiệm:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm							
		Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Độ ồn (dBA)	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	HF
					(mg/Nm ³)				
2409.297KK -03	Xưởng 2 - Tầng trệt giữa xưởng	31,5	68,3	71,8	0,361	4,56	0,076	0,062	KPH
2409.297KK -04	Xưởng 3 - Tầng trệt giữa xưởng	31,7	66,4	70,9	0,359	4,12	0,053	0,056	KPH
2409.297KK -05	Xưởng 1 - Tầng 1 – Khu vực đất	31,4	67,1	72,4	0,462	4,61	0,063	0,076	KPH
2409.297KK -06	Xưởng 2 - Tầng 1 – Khu vực Robot tự động	31,8	64,2	71,2	0,355	4,56	0,043	0,042	KPH
2409.297KK -07	Xưởng 4 - Tầng 1 – Khu vực phân loại	31,4	65,8	69,9	0,357	4,31	0,054	0,063	KPH
2409.297KK -08	Xưởng Decal	31,7	67,7	72,1	0,368	4,25	0,049	0,045	KPH
QCVN 26:2016/BYT		18 – 32	40 – 80	-	-	-	-	-	-
QCVN 24:2016/BYT		-	-	≤ 85	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT		-	-	-	8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT		-	-	-	-	40	10	10	-
QĐ 3733/2002/QĐ-BYT		-	-	-	-	-	-	-	0,5

Ghi chú: ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Y Tế công nhận theo ND 44/2016/NĐ-CP;

- KPH: Không phát hiện; Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy / đo đạt;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HIẾN THUẬN



Địa Chỉ: Số 41/24 Lê Hồng Phong, Khu Phố 4, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
CN Đà Nẵng: Số 80 Phạm Hữu Kính, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng.
VP Hà Nội: Số nhà 65, Ngõ 1 Phố Đại Đồng, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Hotline: 0933.42.52.39 Email: eucvina@gmail.com Website: www.eucvina.com

Số: 2024.1772/KQ-EUC

Ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Theo kế hoạch lấy mẫu số: 2409.256/HT-EUC

- Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MINH LONG I
Địa chỉ: Số 333 Khu phố Hưng Lộc, Phường Hưng Định, Thành phố Thuận An, Bình Dương
- Loại mẫu: Khí thải
- Ngày lấy mẫu: 30/09/2024
- Thời gian thử nghiệm: 30/09/2024 - 11/10/2024
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/ thử nghiệm	Giới hạn phát hiện MDL/ phạm vi đo
1.	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	US EPA Method 5	0 - 800
2.	Lưu lượng ⁽¹⁾	m³/h	US EPA Method 2	0 - 900.000
3.	CO ⁽¹⁾	mg/Nm³	HD-KT-E8500	0 - 9.120
4.	SO ₂ ⁽¹⁾	mg/Nm³	HD-KT-E8500	0 - 13.100
5.	NO _x (Tính theo NO ₂) ⁽¹⁾	mg/Nm³	HD-KT-E8500	0 - 7.415

6. Kết quả thử nghiệm:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả thử nghiệm				
		Nhiệt độ	Lưu lượng	CO	SO ₂	NO _x
		(°C)	m³/h	(mg/Nm³)		
2409.297KT -01	Ống thoát lò nung gas	38	3.043	47,1	26,2	0
2409.297KT -02	Ống thoát lò nung điện	38	7.266	44,8	28	5,01
QCVN 19:2009/BTNMT		-	-	1.000	500	850
(Giá trị giới hạn B) - $P \leq 20.000$; $C_{max} = C \times K_p \times K_v$; $K_p=1$ và $K_v=1$						

Ghi chú:

- ⁽¹⁾: Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy/ đo đạc;
- KPH: Không phát hiện; Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
- Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

PHÒNG THÍ NGHIỆM

NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

NGUYỄN HIẾN THUẬN